

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TC
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22-4-2024

“Về việc ly hôn và tranh chấp quyền
nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Quyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Quân;

Bà Lê Thị Cúc Hoa.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Phước Thành- Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại 02 điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC và điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CK, Tòa án nhân dân huyện TC mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024; về việc “Ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2024; giữa:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thị Kim N, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Huỳnh Hiếu T, sinh năm 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: khóm C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh

Công chức Tòa án hỗ trợ tổ chức phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu thành phần: Bà Nguyễn Thị Kim T1 – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CK.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18-12-2023, lời khai của chị Tạ Thị Kim N trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa trình bày:

Vào ngày 18-02-2014, chị có xác lập quan hệ vợ chồng với anh Huỳnh Hiếu T và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Trong

quá trình chung sống chị và anh T có 01 con chung tên: Huỳnh Trung H, sinh ngày 21-3-2014, hiện nay con chung đang sống chung với chị. Về tài sản chung và nợ chung: không có. Nguyên nhân mâu thuẫn: Anh T không quan tâm lo lắng cho gia đình vợ con, anh T đi làm không đem tiền về phụ giúp chị nuôi con. Từ đó vợ chồng sống chung với nhau không hòa hợp, dẫn đến nhiều mâu thuẫn và cãi vã, đã sống ly thân từ năm 2022. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Hiếu T.
- Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên: Huỳnh Trung H, sinh ngày 21-3-2014 và chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13 tháng 3 năm 2024 bị đơn anh Huỳnh Hiếu T trình bày:

Về hôn nhân: anh cho rằng giữa hai vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung được nữa, xin Tòa án xem xét giải quyết theo thủ tục.

Về con chung: Trong quá trình sống anh và chị N có một người con chung tên Huỳnh Trung H, sinh ngày 21-3-2014. Anh đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên anh cũng không yêu cầu tòa án giải quyết.

Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất:

Về hôn nhân: Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung, hiện mỗi người đã có cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh T thống nhất giao Huỳnh Trung H, sinh ngày 21-3-2014 cho chị N nuôi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có.

Những vấn đề mà các đương sự không thống nhất: Không có.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Nguyên đơn chị Tạ Thị Kim N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Huỳnh Hiếu T. Đồng thời bị đơn có địa chỉ tại khóm C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà

Vinh nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TC theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt anh Huỳnh Hiếu T, nhưng anh có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo chị Tạ Thị Kim N khai thì cả hai đều tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19/2014, quyền số 01/2014, vào ngày 18-02-2014. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với tài liệu đã cung cấp là bản sao trích lục kết hôn do Ủy ban nhân dân xã N, huyện C cấp ngày 13-11-2023 nên xác định hôn nhân giữa chị Tạ Thị Kim N và anh Huỳnh Hiếu T là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn chị N trình bày năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm anh T không quan tâm lo lắng cho gia đình vợ con, anh T đi làm không đem tiền về phụ giúp chị nuôi con nên chị đã về nhà mẹ chị tại N, Cầu K sống ly thân với anh T. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị nhận thấy không còn tình cảm với anh T nên xin ly hôn.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm, không hiểu nhau dẫn đến vợ chồng phát sinh cãi vã nên chị N và anh T đã sống ly thân đến nay (hơn 02 năm), không ai quan tâm cuộc sống của ai. Hiện vợ chồng chị N và anh T mỗi người đều có cuộc sống riêng, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã mời hòa giải ngày 18/3/2024 để tạo điều kiện hàn gắn hôn nhân giữa chị N và anh T. Mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ, anh Trung trực t đến trụ sở Tòa án nhận thông báo và nộp bản tự khai. Anh trực tiếp cho rằng anh không muốn hòa giải cùng chị N và xin vắng mặt khi hòa giải, xét xử, chứng tỏ anh T cũng không có ý muốn hàn gắn cùng chị N. Trong bản tự khai mặc dù anh không nói rõ đồng ý ly hôn nhưng anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể sống chung. Trong các lần hòa giải chị N khẳng định không còn yêu thương anh T. Từ những nhận định trên chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Chị Tạ Thị Kim N và anh Huỳnh Hiếu T có 01 người con chung tên Huỳnh Trung H, sinh ngày 21-3-2014 chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Trung cấp d nuôi con. Xét từ lúc nhỏ đến nay các cháu sống với mẹ và chị N là người trực tiếp chăm sóc cho cháu. Từ năm 2022 chị N sống cùng cháu tại nhà ngoại và ly thân với anh T đến nay. Đồng thời Tòa án nhân dân

huyện TC cũng đã lấy ý kiến của cháu H, cháu trình bày khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu là muốn sống chung với mẹ (bút lục 23). Do đó việc giao con cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp để đảm bảo không thay đổi môi trường sống và phù hợp nguyện vọng của con chung. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N giao con chung tên Huỳnh Trung H, sinh ngày 21-3-2014 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Từ khi thụ lý và quá trình hòa giải Tòa án đã giải thích về vấn đề cấp dưỡng nuôi con nhưng chị N không yêu cầu anh Trung cấp d nuôi hai con chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tạ Thị Kim N và anh Huỳnh Hiếu T khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Tạ Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Huỳnh Hiếu T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tạ Thị Kim N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho nguyên đơn chị Tạ Thị Kim N được ly hôn với bị đơn anh Huỳnh Hiếu T.

2. Về con chung: Chị Tạ Thị Kim N và anh Huỳnh Hiếu T có 01 người con chung tên Huỳnh Trung H, sinh ngày 21-3-2014. Giao cho chị N trực tiếp nuôi con chung theo nguyện vọng của con. Về cấp dưỡng nuôi con Tòa án đã giải thích cho chị N về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng do chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tạ Thị Kim N và anh Huỳnh Hiếu T khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Tạ Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000371 ngày 26-01-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Trà Vinh. Chị Tạ Thị Kim N đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Võ Thị Ngọc Quyền**